

Số: /SNNPTNT-CCTTBVTV

Gia Lai, ngày tháng 11 năm 2021

V/v hướng dẫn sản xuất vụ Đông Xuân
2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai
đối với lĩnh vực trồng trọt

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Chi cục: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Thủy lợi, Phát triển nông thôn;
- Các Trung tâm: Khuyến nông, Nghiên cứu Giống cây trồng;
- Các doanh nghiệp, HTX sản xuất nông nghiệp (lĩnh vực trồng trọt) trên địa bàn tỉnh.

Để tổ chức sản xuất vụ Đông Xuân 2021 - 2022 đạt hiệu quả bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu và dịch bệnh Covid-19, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị chuyên môn của Sở theo chức năng và nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện một số nội dung trọng tâm như sau:

I. Công tác chỉ đạo sản xuất vụ Đông Xuân 2021 - 2022

1. Chuẩn bị đất đai

- Hướng dẫn, vận động nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp (sản xuất lĩnh vực trồng trọt) thu hoạch nhanh gọn cây trồng vụ Mùa 2021.

- Chuẩn bị các điều kiện về đất đai: Lựa chọn đất đai có điều kiện thổ nhưỡng phù hợp với từng loại cây trồng; làm đất (cày đất, ải đất, dầm đất đối với đất lúa nước); bón lót phân hữu cơ.

2. Chuẩn bị vật tư nông nghiệp (giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật)

- Rà soát lại các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn; xác định tổng lượng vật tư nông nghiệp (từng loại giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để cung ứng cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp (sản xuất lĩnh vực trồng trọt) sản xuất vụ Đông Xuân 2021 - 2022 (chuẩn bị vật tư nông nghiệp phù hợp với từng thời điểm sản xuất để cung ứng (tránh tình trạng thiếu hụt vật tư nông nghiệp và đẩy giá lên cao).

- Hướng dẫn nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp (sản xuất trồng trọt) lựa chọn vật tư nông nghiệp có chất lượng cao để phục vụ sản xuất; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng vật tư nông nghiệp giả, kém chất lượng đưa vào sản xuất gây thiệt hại; mở rộng các loại vật tư nông nghiệp phục vụ cho sản xuất theo hướng hữu cơ, sản xuất theo tiêu chuẩn

VietGAP, GlobalGAP, Organic,...; hạn chế sử dụng phân bón vô cơ, thuốc trừ cỏ, thuốc phòng trừ sâu bệnh có độ độc hại cao, gây tồn dư hóa chất độc hại trong nông sản.

- Thường xuyên kiểm tra, xử lý các cơ sở sản xuất và kinh doanh vật tư có sai phạm trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật và theo đúng phân cấp tại Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Gia Lai (về quản lý vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm).

3. Về lịch thời vụ và giống cây trồng

3.1. Đối với lúa nước

a) Thời vụ gieo trồng

- Vùng phía Tây của tỉnh:

+ Đối với chân ruộng chủ động nước tưới: Xuống giống tập trung trong khung thời vụ từ ngày 01/12/2021 - 20/12/2021.

+ Đối với chân ruộng không chủ động nước, có nguy cơ thiếu nước tưới vào cuối vụ: Khuyến cáo sử dụng giống ngắn ngày, xuống giống sớm hơn lúa đại trà để tranh thủ độ ẩm đất, kết thúc gieo sạ trước ngày 10/12/2021.

+ Đối với chân ruộng thường xuyên bị ảnh hưởng của lũ cuối năm (đầu vụ Đông Xuân): Gieo sạ muộn hơn và tập trung trong khung thời vụ từ ngày 20/12/2021 - 10/01/2022.

- Vùng phía Đông, Đông Nam của tỉnh:

+ Đối với chân ruộng chủ động nguồn nước: Bố trí thời vụ xuống giống đại trà tập trung từ ngày 20/12/2021 đến ngày 10/01/2022. Khuyến cáo người dân không gieo sạ muộn hơn sau ngày 20/01/2022 để đảm bảo mùa vụ.

+ Đối với chân ruộng không chủ động nguồn nước, có nguy cơ thiếu nước vào cuối vụ: Xuống giống sớm hơn lúa đại trà, chính vụ, kết thúc gieo sạ trước ngày 20/12/2021; đồng thời khuyến cáo sử dụng giống ngắn ngày, chống chịu khô hạn.

+ Đối với chân ruộng thường xuyên bị ảnh hưởng của mưa lũ đầu vụ, sau khi thu hoạch vụ mùa, cần cày đất, gieo sạ muộn hơn đại trà; gieo sạ tập trung từ ngày 10/01/2022 đến trước ngày 25/01/2022 nhằm hạn chế khả năng thiệt hại có thể xảy ra.

b) Cơ cấu giống lúa nước

- Đối với lúa nước thuần chủng:

+ Sử dụng giống xác nhận ngắn hoặc trung ngày có năng suất, chất lượng cao, chống chịu khô hạn tốt, kháng sâu bệnh. Vùng có nguy cơ thiếu nước cuối vụ và vùng ngập úng đầu vụ: Sử dụng giống lúa nước có thời gian sinh trưởng ngắn ngày, cực ngắn ngày từ 90 ngày trở lại. Vùng chủ động nước tưới: Sử dụng giống lúa có thời gian sinh trưởng từ 90-95 ngày.

+ Khuyến cáo sử dụng một số giống chủ lực như: HT1, VND95-20, ML48, OM 4900, OM6162, OM5451, IR64, Đài thơm 8, TH3-3; giống bổ sung RVT, ĐV108, OM3536, OM 6976, Hương Châu 6, ĐT100, HN6, LH12.

- Đối với lúa lai: Sử dụng giống lúa lai Nhị ưu 838.

c) Mật độ gieo trồng

- Lúa nước thuần chủng: gieo sạ 80 - 100 kg/ha;
- Lúa lai: gieo sạ 40 - 50 kg/ha.

d) Áp dụng các tiên bộ kỹ thuật:

- Căn cứ tình hình nguồn nước các ao, hồ, đập, sông, suối và diễn biến thời tiết, khí tượng, thủy văn để có kế hoạch sản xuất lúa nước phù hợp; có kế hoạch khai thác hiệu quả nguồn nước ao, hồ, sông, suối để phục vụ tưới cho cây lúa.

- Chủ động chuyển đổi cây trồng các cánh đồng lúa nước thường xuyên bị hạn sang trồng các cây trồng khác sử dụng ít nước để sản xuất có hiệu quả, tránh thiệt hại do thiên tai gây ra (hạn hán, thời tiết cực đoan gây ra); bố trí lịch thời vụ phù hợp để sản xuất, né hạn và áp dụng kỹ thuật canh tác để hạn chế tác động của hạn hán đến sản xuất lúa.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp (sản xuất trồng trọt) áp dụng kỹ thuật sản xuất IPM, ICM, “1 phải, 5 giảm”, “3 giảm 3 tăng”... ngay từ đầu vụ.

- Tăng cường bón lót phân hữu cơ; bón phân vô cơ cân đối, hợp lý theo từng giai đoạn của cây; sử dụng phân có nguồn gốc rõ ràng, trong danh mục phân bón được phép lưu hành tại Việt Nam (đôi với phân Urê, ưu tiên sử dụng các dạng phân Urê chậm tan để chống thất thoát đạm).

- Mở rộng diện tích lúa sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, Organic; hình thành các hợp tác xã sản xuất lúa gạo chất lượng cao theo tiêu chuẩn VietGAP, Organic gắn với đóng gói bao bì nhãn mác đẹp đáp ứng các thị trường tiêu dùng, nâng cao giá thành sản phẩm.

- Đẩy mạnh cơ giới nông nghiệp sản xuất lúa: Khâu làm đất (cày, bừa), khâu thu hoạch, khâu bảo quản, sơ chế và chế biến.

- Tưới phương pháp “Nông-Lộ-Phơi” và theo Sổ tay hướng dẫn tưới tiết kiệm nước của Tổng cục Thủy lợi ban hành.

- Tranh thủ nguồn nước tưới đủ cho 3 lần bón phân và thời kỳ trổ bông.

- Thực hiện tốt nội dung liên kết với Tập đoàn Lộc Trời trong sản xuất và tiêu thụ lúa gạo.

e) Đẩy mạnh chuyển đổi cây trồng trên đất lúa

- Vùng khả năng bị hạn, thiếu nước cần chuyển đổi cây trồng cạn như mè, sắn, rau,... hoặc chuyển dịch mùa vụ gieo trồng để tránh thiệt hại do khô hạn.

- Trên đất lúa chuyển đổi cần bố trí gieo trồng tập trung cùng nhóm cây trồng như vùng trồng ngô lai, vùng trồng đậu đỗ,... để dễ điều tiết nguồn nước.

3.2. Đối với cây sắn (Mỳ)

a) Thời vụ trồng: Thời vụ trồng sắn vụ Đông Xuân 2021 - 2022 thích hợp nhất là từ cuối tháng 11/2021 đến giữa tháng 01/2022 hoặc vào đầu mùa mưa từ tháng 4/2022 đến tháng 5/2022.

b) Cơ cấu giống sắn: KM94, KM419, KM95, KM98/5 (sử dụng giống sắn, hom giống sạch bệnh virus khảm lá).

c) Mật độ trồng sắn: Sắn được trồng với khoảng cách hàng cách hàng 1m, cây cách cây từ 0,8 đến 1,0 m và tùy theo giống sắn bố trí mật độ trồng khác nhau:

- Đối với giống chín sớm và trung bình: Khoảng cách trồng 1m x 0,8 m, mật độ 12.500 hom/ha.

- Đối với giống chín muộn: Khoảng cách trồng 1m x 1 m, mật độ 10.000 hom/ha.

d) Áp dụng các tiên bộ kỹ thuật

- Giống sản lấy từ những ruộng sản xuất tốt hoặc các ruộng nhân giống riêng (nếu có). Cây sản dùng làm giống phải khỏe mạnh, không sử dụng hom giống sản bị bệnh khảm lá virus tại các vùng đã bị nhiễm để trồng lại.

- Sản có thể trồng trên nhiều loại đất khác nhau, tuy nhiên do nhu cầu để hình thành và phát triển rễ củ, cây sản cần đất tơi xốp thông thoáng và không bị ngập úng, đất phải được cày bừa kỹ, sạch cỏ dại và đảm bảo độ ẩm đất lúc gieo khoảng 75-80% độ ẩm tối đa đồng ruộng.

- Nên tranh thủ trồng sớm khi đất đủ ẩm độ, không nên trồng vào các thời điểm có mưa nhiều hoặc khô hạn làm giảm khả năng mọc mầm của hom sản (do ẩm độ đất cao hoặc thấp, nhiệt độ thấp dẫn đến hom sản nảy mầm kém, rễ sản hô hấp kém, các tác nhân nấm - bệnh và côn trùng dễ tấn công và gây hại cho hom sản).

- Phòng trừ sâu bệnh: Khuyến cáo người dân thường xuyên kiểm tra ruộng sản để phát hiện sớm bệnh khảm lá sản và nhổ bỏ, tiêu hủy cây bị bệnh, nhằm hạn chế sự lây lan ra các địa phương khác.

- Đẩy mạnh áp dụng công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước, cơ giới hóa nông nghiệp, xây dựng cánh đồng lớn, liên kết sản xuất (gắn vùng nguyên liệu với các nhà máy chế biến tinh bột sản);

- Sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ hợp lý và theo hướng hữu cơ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm để đảm bảo cho việc tiêu thụ, xuất khẩu.

3.3. Đối với cây mía

a) Thời vụ trồng: Thời vụ trồng mía từ tháng 11/2021 đến tháng 4/2022.

b) Cơ cấu giống

- Khuyến cáo sử dụng các giống mía có thời gian chín trung bình và muộn như LK92-1, KK3, KK6, Suphanburi7, K94-32, K83-29.

- Giống mía sử dụng trong sản xuất phải là những giống nằm trong Danh mục được phép sản xuất kinh doanh trong nước, mía giống phải được lấy từ các ruộng giống đảm bảo chất lượng, không bị nhiễm bệnh như bệnh than, thối đỏ; đặc biệt giống không có triệu chứng nhiễm bệnh khảm, bệnh trắng lá, bệnh chồi cỏ.

c) Mật độ trồng: Lượng hom giống trồng khoảng 30.000 - 40.000 hom/ha (tương đương 8-10 tấn/ha tùy theo giống). Tùy thuộc vào đặc điểm từng loại giống, điều kiện đất đai và canh tác mật độ trồng hom mía trên ruộng sẽ khác nhau.

d) Áp dụng tiên bộ kỹ thuật

- Chủ động theo dõi diễn biến của thời tiết, khuyến cáo người dân xuống giống vào thời điểm phù hợp nhất của địa phương để thời kỳ cây con, thời kỳ cây mía đẻ nhánh không bị gặp hạn.

- Chuẩn bị tốt các điều kiện về đất đai để thuận lợi cho việc trồng trọt, chăm sóc và thu hoạch sau này. Vùng nguyên liệu mía tập trung phải có đường cho xe cơ giới ra vào vận chuyển vật tư, phân bón, mía giống và mía nguyên liệu.

- Đối với diện tích mía có năng suất thấp dưới 60 tấn/ha, mía trồng trên chân đất kém phù hợp phải thực hiện chuyển đổi sang trồng các cây trồng khác đem lại hiệu quả cao hơn.

- Phòng trừ sâu bệnh: Kịp thời nắm bắt sự phát sinh của một số đối tượng sâu bệnh hại để có biện pháp phòng trừ kịp thời, hiệu quả như bệnh trắng lá mía, bọ hung, xén tóc, sâu đục thân hại mía. Triển khai các biện pháp phòng trừ theo đúng hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa nông nghiệp trong trồng, chăm sóc và thu hoạch mía (cày, bừa, trồng, chăm sóc, thu hoạch, vận chuyển) để giảm chi phí đầu vào sản xuất, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường quốc tế; mở rộng sản xuất mía theo mô hình cánh đồng lớn; thực hiện tốt liên kết sản xuất mía thông qua hợp đồng theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ; tăng cường ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến và tiết kiệm nước để nâng cao năng suất và chất lượng mía.

- Các nhà máy chế biến đường cần đa dạng hóa sản phẩm từ mía đường như: chế biến nước giải khát, làm bánh kẹo, bia, công nghiệp giấy, nhiệt điện. . .

3.4. Đối với cây ngô

a) Thời vụ gieo trồng: Ngô Đông Xuân gieo trồng từ tháng 11/2021 đến tháng 01/2022 hoặc gieo trồng từ tháng 4-5/2022. (Tùy từng vùng, điều kiện thời tiết khí hậu mà xác định thời điểm xuống giống thích hợp).

b) Cơ cấu giống ngô: Sử dụng các giống ngô biến đổi gen như Bt (NK7328Bt/GT, NK67Bt/GT, NK4300Bt/GT. . .), Bioseed 9698, CP 888, LVN10 và một số giống ngô nếp HN88. . . có khả năng kháng sâu keo mùa thu.

c) Mật độ gieo trồng: Mật độ trồng ngô phụ thuộc vào vùng sinh thái, mùa vụ, thời gian sinh trưởng của giống và điều kiện thâm canh. Nên áp dụng những công thức mật độ trồng ngô sau:

- Đối với giống dài ngày, trồng với khoảng cách 75 cm x 30 cm (tương ứng 12 kg/ha);

- Đối với giống ngắn ngày, trồng với khoảng cách 70 cm x 25 cm (13 kg/ha).

d) Áp dụng tiến bộ kỹ thuật

- Cây ngô có thể sinh trưởng, phát triển trên nhiều nhóm đất: Đất phù sa, xám bạc màu, đất baza. Đất trồng ngô phải cao ráo và thoát nước tốt trong mùa mưa, có khả năng tưới đủ ẩm trong mùa khô.

- Phòng trừ sâu bệnh: Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện và phòng trừ sâu bệnh kịp thời, nhất là sâu keo mùa thu (phòng trừ theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn).

- Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất ngô; thực hiện tốt liên kết sản xuất gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm (kể cả sản xuất và tiêu thụ ngô sinh khối).

- Thúc đẩy kêu gọi đầu tư các nhà máy chế biến thức ăn gia súc, gia cầm từ ngô và các sản phẩm nông nghiệp.

3.5. Đối với rau, đậu đỗ và khoai lang

- Tập trung gieo trồng ngay sau khi thu hoạch xong vụ mùa để tranh thủ độ ẩm đất, giúp cây sinh trưởng phát triển nhanh, mạnh ngay từ đầu. Tăng cường biện pháp luân canh mùa vụ, thiết kế hệ thống tưới tiêu nội đồng hợp lý không để úng cục bộ; tùy theo từng giống cây trồng, thành phần cơ giới đất và độ màu mỡ của đất để bón cân đối NPK, không để thừa đạm gây nguy cơ gia tăng sâu bệnh và năng suất thấp.

- Về cơ cấu giống các loại: Trên cơ sở điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của từng vùng sản xuất lựa chọn, bố trí cơ cấu giống cây trồng phù hợp, đa dạng như:

+ Giống rau như: Rau chân vịt Anna Taki, đậu tương rau Kaohsiung 9, ngô ngọt, các loại rau: Ăn lá, ăn củ, ăn quả có chất lượng cao để đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng và xuất khẩu.

+ Giống khoai lang: Giống khoai lang Lệ Cần, giống khoai lang Nhật.

+ Giống Đậu xanh: ĐXBĐ.07, ĐXBĐ.09.

+ Giống đậu lạc L14, L25, HL25.

- Lựa chọn hạt giống đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, giống đã được xác nhận; giống nằm trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. Hạt giống được cung cấp bởi các nhãn hiệu uy tín trên thị trường như Hai mũi tên đỏ, Chánh nông, Trang nông, Đồng tiền vàng... Gieo trồng với mật độ theo hướng dẫn trên nhãn mác, bao bì.

- Sử dụng phân bón phù hợp với nhu cầu của từng giai đoạn sinh trưởng cây trồng và tính chất của đất canh tác; ưu tiên sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh; các loại phân bón có tác dụng cải tạo đất; sử dụng phân hữu cơ hoai mục ủ với nấm đối kháng Tricoderma kết hợp với chế phẩm sinh học chứa vi sinh vật đối kháng (Phyto - M, SH-BV1, Phyto-PP1); hạn chế sử dụng phân bón vô cơ. Chỉ sử dụng phân bón đã được công nhận lưu hành; sử dụng phân bón bảo đảm hiệu quả, an toàn cho người, an toàn thực phẩm theo nguyên tắc 5 đúng (đúng chân đất, đúng loại cây, đúng liều lượng, đúng thời điểm, đúng cách bón) và 1 hợp lý (bón phân cân đối).

- Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật: Ưu tiên lựa chọn và sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, thảo mộc; ít độc hại đối với người và thân thiện với môi trường; thời gian cách ly ngắn để hạn chế dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên sản phẩm nông sản nhằm góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Trong trường hợp phải sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học để phòng trừ cần áp dụng nguyên tắc 4 đúng (đúng thuốc, đúng liều lượng, đúng lúc và đúng cách) và đảm bảo thời gian cách ly. Không sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật không rõ nguồn gốc; thuốc hết hạn sử dụng; thuốc trong Danh mục cấm buôn bán, sử dụng tại Việt Nam. Đặc biệt là các loại thuốc trừ cỏ có chứa hoạt chất Paraquat, 2,4D, Glyphosate.

- Mở rộng sản xuất rau, đậu đỗ, khoai lang theo tiêu chuẩn: Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Organic gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

3.6. Đối với dược liệu, cây ăn quả lâu năm

a) Thời vụ trồng: Tùy theo điều kiện nước tưới, lượng mưa ở từng vùng mà địa phương lựa chọn thời vụ trồng cho thích hợp với từng loại dược liệu, cây ăn quả lâu năm.

b) Lựa chọn loại cây dược liệu, cây ăn quả để sản xuất

- Cây dược liệu: Mật nhân, hà thủ ô đỏ, đẳng sâm, đan sâm, cát cánh, đương quy, cà gai leo, ...;

- Cây ăn quả như: Sầu riêng, bơ, mít, xoài, nhãn, na (mãng cầu), thanh long, chôm chôm, cam, bưởi da xanh, chanh dây, dứa, chuối. . .

- Khuyến cáo sử dụng nguồn giống dược sản xuất, buôn bán tại các vườn ươm trên địa bàn tỉnh được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh; giống có nguồn gốc từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng được công nhận (đối với cây ăn quả). Một số giống cây ăn quả được trồng phổ biến, thích hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng tại Gia Lai như: Giống Bơ (booth7, hass, bơ 034), giống sầu riêng (Mongthong, Ri 6, Dona), giống mít (Mít Thái, mít nghệ, mít không hạt), chôm chôm (chôm chôm nhãn, chôm chôm thái), chanh leo (Đài Nông 1, Tai one, Tai Shang), dứa (cayenne, Queen).

c) Mật độ trồng: Theo quy trình kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và PTNT đã hướng dẫn cho từng loại cây dược liệu, cây ăn quả (trồng thuần, trồng xen canh).

d) Áp dụng tiến bộ kỹ thuật: Đẩy mạnh áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Organic; ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến và tiết kiệm nước; phát triển sản phẩm OCOP; xây dựng nhãn hiệu hàng hóa; gắn với truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Chú trọng biện pháp phòng trừ sâu bệnh gây hại bằng thuốc bảo vệ thực vật sinh học.

II. Tổ chức thực hiện

1. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Trên cơ sở đánh giá trữ lượng nguồn nước các sông suối, hồ đập và khả năng khai thác các nguồn nước tưới bổ sung; nhận định về thời tiết, khí tượng, thủy văn vụ Đông Xuân 2021 - 2022; hoạt động chế biến của các nhà máy chế biến nông sản; tình hình thị trường tiêu thụ nông sản để xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2021 - 2022 trên địa bàn cấp huyện cho phù hợp để sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- Tiếp tục điều chỉnh, bố trí thời vụ, cơ cấu cây trồng, giống cây trồng phù hợp trên từng chân đất để né tránh thiên tai, giảm thiểu thiệt hại, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích. Khuyến khích đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả sang trồng rau đậu thực phẩm, hoa, cây ăn quả, cây dược liệu, v.v. để nâng cao hệ số và hiệu quả sử dụng đất, góp phần thực hiện thắng lợi, đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2021 – 2022 đã đề ra trên 03 phương diện về diện tích, năng suất và sản lượng cây trồng.

- Chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến và tiết kiệm nước, triển khai các biện pháp phòng chống hạn, cơ giới hóa nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn, liên kết sản xuất, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Tập trung gieo trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch, sơ chế và chế biến, tiêu thụ nông sản để sản xuất vụ Đông Xuân 2021-2022 đạt hiệu quả cao nhất.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn của huyện, thị xã, thành phố theo dõi, nắm bắt, báo cáo định kỳ tiến độ sản xuất vào **sáng thứ Ba hàng tuần** về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Thông qua Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, số 88 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku; email: phongtrongtrobtvtvgl@gmail.com; điện thoại: 02693.716.439*) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đảm bảo thời gian quy định.

2. Đối với các đơn vị chuyên môn thuộc Sở

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch chi tiết của từng lĩnh vực, cụ thể hóa để thực hiện; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các địa phương, hợp tác xã, các doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ trong sản xuất; tuyên truyền, hướng dẫn sản xuất theo hướng VietGAP, Global GAP, Organic,... hướng đến sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gia tăng, gắn thương hiệu và chỉ dẫn địa lý.

- Chủ động xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp (giống, phân bón, thuốc BVTV) trên địa bàn tỉnh đúng quy định của pháp luật.

Nhận được Văn bản này, đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các hợp tác xã, doanh nghiệp (sản xuất lĩnh vực trồng trọt) triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, KH&CN (phối hợp);
- Phòng Kế hoạch - Tài chính các Huyện, TX, TP;
- Phòng Kinh tế, Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Gia Lai;
- Lưu: VT, CCTTBVTV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đoàn Ngọc Có